

THUYẾT THÔNG MINH NGÔN NGỮ VỚI VIỆC DẠY-HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH

LINGUISTIC INTELLIGENCE AND TEACHING AND LEARNING
ENGLISH VOCABULARY

ThS; LÊ THỊ TUYẾT HẠNH
(Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)
PGS. TS; LÊ PHẠM HOÀI HƯƠNG
(Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)

Abstract: This article discusses Multiple Intelligences Theory proposed by Gardner and focuses particularly on “Linguistic Intelligence”. Linguistic intelligence is shown in the perception of word meaning, word order, sound, rhythm, and word length that enable a word to be more recognizable. Learners with linguistic intelligence are able to use language to persuade, encourage and express ideas. Based on the principles of Multiple Intelligences Theory, the article suggests the activities for teaching and learning vocabulary in and out of the classroom to help learners with potential linguistic intelligence to advance in their capacity.

Key words: MIT; linguistic intelligence; vocabulary.

1. Lời mở đầu

Từ vựng đóng vai trò rất quan trọng trong hiệu quả giao tiếp. Wilkin (1972) nhận xét rằng: “Không có ngữ pháp, rất ít thông tin được truyền tải, không có từ vựng, không có thông tin nào có thể được tiếp thu” (“*without grammar, very little can be conveyed, without vocabulary, nothing can be conveyed*” (Wilkins, 1990 tr.111). Chính vì vậy, nâng cao khả năng tiếp thu từ vựng đang ngày càng thu hút sự quan tâm của các nhà giáo dục. Nhiều cách tiếp cận đã được khai thác để áp dụng vào việc dạy và học từ. Ra đời vào năm 1983, thuyết Đa thông minh (Multiple Intelligences) của Howard Gardner, giáo sư tâm lý học ở trường Đại học Havard, đã tìm được chỗ đứng của mình trong hệ thống giáo dục của Mỹ nói riêng và trên toàn thế giới nói chung. Với một quan niệm hoàn toàn mới về khả năng của con người, thuyết Đa thông minh ở thời điểm khởi đầu đã chỉ ra rằng có 7 loại thông minh

đang tồn tại trong mỗi con người với những cấp độ khác nhau. Đó là trí thông minh về logic-toán học (logico-mathematic intelligence), trí thông minh không gian (spatial intelligence), trí thông minh hình thể (bodily-kinesthetic intelligence), trí thông minh âm nhạc (musical intelligence), trí thông minh hướng nội (intrapersonal intelligence), trí thông minh hướng ngoại (interpersonal intelligence) và trí thông minh ngôn ngữ (linguistic intelligence). Trí thông minh thiên nhiên (naturalist intelligence) được bổ sung vào năm 1997 và hai năm sau đó, trí thông minh hiện sinh (existentialist intelligence) được khám phá.

Thuyết Đa thông minh này đã thổi một làn gió mới vào quan điểm giáo dục trên toàn thế giới, nơi mà việc đồng bộ giáo dục được xem như là chuẩn mực. Dạy và học ngoại ngữ cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Đã có rất nhiều nghiên cứu về việc áp dụng Lý thuyết đa thông minh vào việc dạy

và học ngoại ngữ. Tiêu biểu là Christison (2001) với cuốn sách “*Multiple Intelligences and language learning*” (Đa thông minh và học ngôn ngữ), nhưng cuốn sách đầu tiên nói về việc áp dụng lí thuyết Đa thông minh phải kể đến “*A multiple intelligences Road to an ELT classroom*” của Micheal Barman (1998). Cuốn sách này cung cấp cho giáo viên dạy tiếng Anh rất nhiều thủ thuật để dạy tiếng Anh dựa trên nền tảng Thuyết này. Ngoài ra, cuốn sách còn đưa ra rất nhiều hoạt động liên quan đến các trí thông minh khác nhau để giáo viên tham khảo. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ đề cập chuyên sâu đến việc áp dụng trí thông ngôn ngữ, trí thông minh liên kết mạnh mẽ nhất với việc học ngôn ngữ, vào việc dạy từ vựng cho sinh viên học tiếng Anh như một ngoại ngữ ở các trường đại học tại Việt Nam.

1.1. Thông minh ngôn ngữ

Theo định nghĩa của Howard Gardner (1983, 1997, 1999), thông minh ngôn ngữ là khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, dù là ngôn ngữ viết hay ngôn ngữ nói. Theo quan điểm của ông, trí thông minh này được thể hiện ở sự tinh tế trong cảm nhận: (1) nghĩa của từ; (2) trật tự từ; (3) âm sắc, nhịp điệu, phản xạ và độ dài của từ để làm cho từ trở nên dễ nghe hơn; (4) chức năng của từ như là thuyết phục, động viên, truyền tải thông tin hay để làm hài lòng người khác. Nhà thơ được xem là đại diện tiêu biểu, nơi mà các tiêu chí hội tụ đầy đủ nhất. Chi tiết hơn, chúng ta có thể cho rằng người học thông minh ngôn ngữ yêu thích sử dụng từ vựng và sử dụng từ vựng trong suy nghĩ và giải quyết vấn đề. Họ có khuynh hướng nói tốt và viết tốt và biết cách sử dụng từ để thuyết phục, tranh luận, giải trí và hướng dẫn người khác. Ngoài ra, họ có khả năng diễn tả cảm nhận tốt, họ biết lắng nghe và có khả năng nhớ thông tin khi đọc hay nghe người khác nói.

Dù muốn dù không, trí thông minh này vẫn giữ vai trò thống trị trong việc dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Chúng ta có thể ngầm hiểu rằng giáo viên và sinh viên tiếng Anh hầu hết đều có thể mạnh ở trí thông minh này. Chính vì thế, thông minh ngôn ngữ được xem là khả năng dễ khai thác và dễ áp dụng nhất trong các lớp học tiếng Anh. Có rất nhiều kĩ thuật giảng dạy có thể được sử dụng để khai thác khả năng này. Chúng có thể là diễn thuyết, trình bày bài, thảo luận, trò chơi ô chữ, viết nhật kí hay kể chuyện. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi sẽ đi sâu tìm hiểu về việc áp dụng Trí thông minh ngôn ngữ vào việc dạy học từ vựng tiếng Anh.

1.2. Những nghiên cứu liên quan

Có rất nhiều nghiên cứu về mối liên hệ giữa Trí đa thông minh, trong đó có trí Thông minh ngôn ngữ, và việc học từ vựng. Sadri và đồng nghiệp (2009) tìm hiểu về mối liên hệ giữa tính Đa thông minh, kiến thức từ vựng (vocabulary learning knowledge) và chiến lược học từ vựng. Kết quả đã chỉ ra rằng có sự liên hệ giữa tính đa thông minh và số lượng của từ (breadth vocabulary). Nghiên cứu cũng đã khẳng định Trí thông minh ngôn ngữ giúp cho chuẩn việc đoán kiến thức từ vựng tốt nhất so với các trí thông minh khác.

Burman và Hess (2003) đã thiết lập nghiên cứu hành động (action research) để cải thiện kĩ năng đọc của học sinh lớp một (first grade). Với việc áp dụng lí thuyết này và sự hỗ trợ của phụ huynh, học sinh đã thể hiện sự tiến bộ đáng kể trong việc đọc từ. Shah và Thomas (2002) chỉ ra rằng thuyết đa thông minh góp phần nâng cao khả năng đánh vần từ phổ biến trong các bài viết hàng ngày của người học. Nghiên cứu duy nhất tập trung vào mối liên hệ giữa trí thông minh ngôn ngữ và việc tiếp thu số lượng từ được

tiến hành bởi một nhóm tác giả ở Iran năm 2008 đối với 66 sinh viên đại học.

Dựa vào những thống kê trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng mối quan hệ giữa việc học từ vựng và thuyết đa thông minh, trong đó có trí Thông minh ngôn ngữ, đã ít nhiều thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực dạy và học từ vựng tiếng Anh. Cho đến thời điểm này, Việt Nam chưa có một nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề đó. Việc tiến hành nghiên cứu trên nền tảng lí thuyết và những công trình khoa học đã có sẽ ít nhiều giúp cho các nhà giáo dục có một cái nhìn mới trong việc áp dụng các giải pháp phù hợp vào nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam.

2. Thông minh ngôn ngữ và việc dạy học từ vựng

Như đã nêu trên thông minh ngôn ngữ giúp người học dễ dàng hiểu nghĩa của từ, trật tự từ, hiểu biết âm sắc, nhịp điệu, phản xạ và độ dài của từ để làm cho từ trở nên dễ nghe hơn. Ngoài ra, người học có thông minh ngôn ngữ biết và sử dụng từ để thuyết phục, động viên, truyền tải thông tin hay để làm hài lòng người khác. Từ những quan điểm này có thể thấy rằng khi xác định được người học có thông minh ngôn ngữ, giáo viên cần chuẩn bị các hoạt động giúp học viên nhận biết và sử dụng từ vựng. Có như vậy, học viên mới thể hiện được điểm mạnh của mình trong học tập và trau dồi những kỹ năng học từ vựng sẵn có của họ. Để phát triển khả năng ngôn ngữ tiềm ẩn một cách tối đa, nhiều học thuật trong và ngoài lớp học cần được áp dụng đồng thời.

2.1. Học thuật trong lớp học

Hiện nay đã có rất nhiều kỹ năng học từ vựng tiếng Anh được đưa vào lớp học, nhưng nếu người học có thể mạnh về ngôn ngữ, giáo viên nên thiết kế hoạt động của bài học thiên về khả năng đó. Các hoạt động

giúp người học giúp người học phát triển trí thông minh ngôn ngữ bao gồm làm các bài tập đồ vui từ vựng, ô chữ, luyện viết các câu truyện ngắn, viết thư cho biên tập viên của các tờ báo. Học viên cũng có thể đọc lớn các từ, ghép từ, dùng bài hát để dạy và học từ vựng. Các hoạt động làm thơ, viết kịch, và thậm chí đóng kịch để học viên có thể phát huy thế mạnh của mình. Giáo viên cần khuyến khích các học viên gạch dưới hay khoanh tròn các từ chưa biết và tra từ mới. Người học cũng nên được khuyến khích có từ điển, từ điển đồng nghĩa, trái nghĩa và sử dụng từ nhiều trong phần viết của mình. Các bài học nhằm thúc đẩy học viên phải bao gồm nghe, nói, đọc, viết. Tùy vào từng lứa tuổi, trình độ để thiết kế yêu cầu hoạt động phù hợp với đối tượng đó. Ví dụ: học sinh nhỏ tuổi có thể bắt đầu với học hát, học vắn, nhớ thông tin, tên, đánh vần, đồ vui với ngôn ngữ. Học viên lớn tuổi hơn nên được khởi đầu với việc tra từ điển, đặt câu hoặc sáng tạo cùng ngôn ngữ qua các bài thơ tự sáng tác. Ở môi trường Việt Nam, khi tiếng Anh là một ngoại ngữ, các khóa học mở rộng về viết, soạn kịch tiếng Anh sẽ tạo hứng thú cho những học viên có thông minh ngôn ngữ.

Ngoài ra, giáo viên có thể thay đổi yêu cầu của đề bài theo hướng ngôn ngữ. Để tạo nên hứng thú của người học, giáo viên có thể làm phong phú bài học bằng cách thay đổi yêu cầu bài mà vẫn phát triển được khả năng ngôn ngữ của học sinh. Ví dụ như thay vì yêu cầu học sinh điền từ cho sẵn vào chỗ trống như yêu cầu của bài, chúng ta có thể yêu cầu người học sáng tác ra một câu chuyện có tất cả các từ mới đó.

Học thuật ngoài lớp học

Đối với thuyết đa thông minh, việc đánh giá khả năng của người học không chỉ dựa vào kết quả được thể hiện trên lớp, qua các bài thi mà quan trọng hơn là sự phát triển của người học ngoài lớp học. Chính vì vậy,

giáo viên có thể hướng người học tham gia câu lạc bộ đọc sách hay câu lạc bộ nói tiếng Anh, học và sử dụng các phần mềm phát triển từ vựng trên máy tính. Nghe kể chuyện về các tác phẩm nổi tiếng của các nhà văn, nhà thơ như Shakespeare, Dickens, Wordsworth, Austin, Bronte, Steinbeck, Orwell, Hemmingway. Ngoài ra, người học nên tham gia các cuộc thi viết thơ văn, nghe kể chuyện, thi tranh luận, hùng biện. Do ngôn ngữ là công cụ thể nhận biết thế giới xung quanh, viết nhật kí học tập sẽ giúp người học trải nghiệm và nhận biết cảm xúc của họ thông qua ngôn ngữ.

Lời kết

Gardner đề ra thuyết đa thông minh gồm có 7 loại trí thông minh. Mỗi một học viên đều tiềm ẩn trong mình những thông minh này ở một cấp độ nào đó. Để phát triển khả năng nổi bật của người học, giáo viên cần có những những hiểu biết về thuyết đa thông minh và vận dụng được các hoạt động giúp phát triển thông minh của mỗi học viên. Rõ ràng học viên chuyên tiếng Anh đã sẵn có trong mình thông minh ngôn ngữ, vì vậy giáo viên cần kích lệ họ vượt xa hơn trong khả năng của mình. Trong bối cảnh lớp đông ở các trường học Việt Nam, rất khó cho giáo viên khi phải chú ý đến tất cả các loại hoạt động dành cho mỗi loại thông minh cùng một lúc, nhưng việc thay đổi các hoạt động nhằm đến những thông minh khác biệt trong người học sẽ làm cho lớp học sinh động hơn. Với thông minh ngôn ngữ, giáo viên có thể khuyến khích người học đọc lập đọc sách truyện, sáng tác thơ văn ngoài giờ học ở lớp. Dạy và học từ vựng là một phần quan trọng trong việc dạy và học tiếng Anh, vì lẽ đó, phối hợp các hoạt động mang tính thông minh ngôn ngữ trong và ngoài lớp sẽ giúp cho việc dạy và học tiếng Anh hiệu quả và sinh động hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berman, M. (2002), *A Multiple Intelligences Road To an ELT classroom*. Crown House Publishing, USA.
2. Burman và Hess (2003), *Improving reading skills through multiple intelligences and increased parental involvement*. Retrieved from ERIC (accessed 15/10/2011)
3. Christison, M. A. (2005), *Multiple Intelligences and language learning. A guidebook of theory, activities, inventories, and resources*. San Fransisco: Alta Books.
4. Gardner, H. (1983), *Frames of Mind: the theory of Multiple Intelligence*. (tenth anniversary edition), Basic Books, New York.
5. Gardner, H. (1993), *Multiple Intelligences, The theory in Practice*. NewYork: Basic Books.
6. Gardner, H. (1999), *Intelligence Reframed*. Basic Books, New York.
7. Razmjoo, S.A., Sahragard, R, Sadri, M (2009), *On the relationship between Multiple Intelligences, Vocabulary Learning Knowledge and Vocabulary Learning Strategies among the Iranian EFL Learners*. The Iranian EFL Journal, March 2009 Vol.3.
8. Shah, T., & Thomas, A. (2002), *Improving the spelling of high frequency words in daily writing through the use of multiple intelligence centers*. Retrieved from ERIC (accessed 15/10/ 2011).
9. Skourdi et all (2012), *On the Relationship between Linguistic Intelligence and Vocabulary Knowledge among Iranian EFL Learners*. The Iranian EFL journal, December Volume 8, Issue 6.
10. Wilkins, D. (1972), *Linguistics in language teaching*. London: Arnold.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-05-2014)